UBND TỈNH NGHỆ AN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số: /SNN-ĐA *Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2017*

**ĐỀ ÁN**

**TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2017**

# Phần thứ nhất

# ĐÁNH GIÁ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2016

**I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU – MÙA 2016**

**1.1. Kết quả đạt được**

Sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2016 diễn ra trong điều kiện khó khăn, khắc nghiệt. Đầu vụ hạn hán kéo dài, cuối vụ dịch hại đặc biệt là sâu cuốn lá nhỏ phát sinh, gây hại nặng trên diện rộng, một số thời điểm thời tiết diễn biến cực đoan gây mưa lớn, gió lốc làm thiệt hại lớn sản xuất cây trồng nông nghiệp (tổng diện tích thiệt hại do mưa báo 16. 684,6 ha trong đó 10.058,2 ha thiệt hại trên 70%; trên 1.000ha bị sâu cuốn lá nhỏ gây cháy > 70% lá).

Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn nhưng với quyết tâm chính trị cao, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và kết quả tham mưu tích cực, hiệu quả của các ngành chuyên môn từ tỉnh đến cơ sở nên công tác tổ chức, chỉ đạo sản xuất được triển khai một cách đồng bộ, bài bản và linh hoạt phù hợp với điều kiện cụ thể ở từng vùng, trong từng thời điểm nên sản xuất vụ Hè thu – Mùa năm 2016 vẫn được coi là vụ sản xuất dành được nhiều thắng lợi. Cụ thể:

- Diện tích, năng suất và sản lượng một số cây trồng chính như lúa, rau đậu các loại đều tăng so với kế hoạch. (diện tích lúa tăng 549,6 ha, sản lượng tăng 6.570,3 tấn so với kế hoạch; diện tích rau tăng 49,9 ha, sản lượng tăng 12.787,3 ha so với kế hoạch). *(Chi tiết có phụ lục 01 kèm theo)*.

- Về kết quả tưới vụ Hè Thu – Mùa 2016: Theo báo cáo của Chi cục Thủy lợi toàn tỉnh đã tưới được 113.145,6 ha/113.145,6 ha (đạt 100% kế hoạch).

- Kết quả xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được thực hiện tốt, một số mô hình sản xuất có hiệu quả cao trong vụ Hè Thu – Mùa như:

+ Mô hình trồng hành tăm xen rau: Diện tích 210 ha, tại các xã: Nghi Thuận, Nghi Lâm, Nghi Kiều, Nghi Văn - huyện Nghi Lộc cho thu nhập bình quân 200 – 240 triệu đồng/ha, lãi thu được 120 – 140 triệu đồng/ha/vụ.

+ Mô hình trồng dưa lưới trong nhà lưới: Diện tích 0,1 ha tại xã Diễn Thành - huyện Diễn Châu. Hiệu quả kinh tế đạt 140 triệu/mô hình/vụ. Lãi thuần đạt 100 triệu đồng/mô hình/vụ. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân nên đang nhân rộng ra các xã khác trong huyện Diễn Châu.

+ Mô hình sản xuất lúa 27P31: Với diện tích 30 ha tại xã Nghĩa Thịnh - huyện Nghĩa Đàn. Hiệu quả kinh tế: năng suất đạt 75 tạ/ha. Lãi thuần đạt 8,7 triệu đồng/ha/vụ.

+Mô hình sản xuất dưa hấu: Với diện tích 10 ha tại xã Nghi Long – Nghi Lộc. Hiệu quả kinh tế đạt 180 triệu/ha. Lãi thuần đạt 72 triệu/ha/vụ.

+ Mô hình SRI diện rộng: Với diện tích 10 ha tại xã Hậu Thành – Yên Thành. Hiệu quả kinh tế: năng suất đạt 54,45 tạ/ha. Lãi thuần đạt 18.626.000 đồng/ha.

- Cơ giới hóa trong làm đất, thu hoạch,... được ứng dụng ngày càng rộng vào sản xuất đã góp phần tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất.

- Các loại vật tư đầu vào thiết yếu (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) phục vụ sản xuất được cung ứng kịp thời, chất lượng dịch vụ ngày càng được cải thiện. Mô hình “Cánh đồng *lớn*” và các mô hình liên kết sản xuất lúa hàng hoá cho hiệu quả kinh tế cao tiếp tục được duy trì và phát triển.

**1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

***1.2.1. Tồn tại, hạn chế***

- Diện tích, năng suất các cây trồng như ngô, lạc, vừng không đạt kế hoạch.

- Một số dịch hại, đặc biệt là sâu cuốn lá nhỏ phát sinh, gây hại trên diện rộng làm ảnh hưởng đến sản xuất.

- Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ gặp nhiều khó khăn, một số địa phương chưa thực hiện tốtviệc chuyển đổi theo khuyến cáo.

- Diện tích sản xuất sản phẩm hàng hóa an toàn, bền vững còn ít. Liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm giữa doanh nghiệp và nông dân ít, chưa thực sự hiệu quả.

- Giá cả vật tư nông nghiệp đầu vào vẫn ở mức cao. Công tác quản lý vật tư nông nghiệp vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế.

- Hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng và hồ đập ở các địa phương xuống cấp, thiếu kinh phí duy tu bảo dưỡng nên chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất.

***1.2.2.* *Nguyên nhân tồn tại***

- Ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường. Đầu vụ hạn hán thiếu nước trên diện rộng nên một số diện tích không gieo trồng được dẫn đến diện tích một số cây trồng không đạt kế hoạch, cuối vụ gặp mưa lớn, giông lốc gây thiệt hại lớn đến kết quả sản xuất.

- Một số địa phương cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa thật sự quyết liệt trong việc chỉ đạo thực hiện giải pháp kỹ thuật, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất.

- Sâu bệnh hại, đặc biệt là sâu cuốn lá nhỏ phát sinh trên diện rộng trong khi một bộ phận nông dân còn có tư tương chủ quan, xem nhẹ công tác phòng trừ hoặc phòng trừ không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật nên hiệu quả chưa cao. Năng lực cán bộ chuyên môn ở cơ sở còn nhiều hạn chế, bất cập nên công tác tuyên truyền, hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh chưa thực sự có hiệu quả cao.

- Tập quán sản xuất, tâm lý ngại thay đổi của nông dân nên công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ gặp nhiều khó khăn. Một số vùng đặc thù như vùng cuối kênh, vùng cao cưỡng không thuận lợi cho chuyển đổi.

- Quản lý vật tư nông nghiệp đầu vào có tính thời vụ cao, số lượng cơ sở kinh doanh lớn trong khi lực lượng kiểm tra tại cơ sở còn thiếu, chưa đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định. Sự phối kết hợp giữa các cơ quan liên quan với các địa phương trong công tác thanh kiểm tra còn hạn chế.

**1.3. Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2016**

 - Xây dựng kế hoạch, giải pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo sản xuất phải sát đúng với thực tế, phù hợp đặc điểm sản xuất, điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương.

- Tổ chức chỉ đạo quyết liệt, huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị, phát huy tốt các nguồn lực để tuyên truyền, chỉ đạo và hỗ trợ nông dân thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật, phòng chống thiên tai, dịch bệnh,... là yếu tố hết sức quan trọng đảm bảo thắng lợi trong sản xuất.

 - Sản xuất Hè Thu phải đặt an toàn lên trên hết, nên thời vụ phải hết sức khẩn trương. Đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu làm đất và thu hoạch để rút ngắn thời gian.

- Công tác dự tính, dự báo và cung cấp thông tin tình hình thiên tai, dịch hại cây trồng cho người dân kịp thời, chính xác góp phần rất quan trọng trong phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại.

- Thực hiện tốt tác tuyên truyền, phổ biến về kế hoạch sản xuất, nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả, để nông dân biết, hiểu và thực hiện.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp và địa phương đóng vai trò quan trọng trong cung ứng kịp thời, đầy đủ các loại vật tư nông nghiệp đầu vào, xây dựng, nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất hàng hoá theo chuỗi có giá trị sản phẩm và hiệu quả kinh tế cao.

**Phần thứ hai**

**PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**TỔ CHỨC SẢN XUẤT VỤ HÈ THU, VỤ MÙA NĂM 2017**

 **I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH VỤ HÈ THU – MÙA**

**1.1. Tình hình sản xuất vụ Xuân**

- Nhìn chung sản xuất vụ Xuân 2017 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Diện tích gieo cấy lúa đạt 91.465 ha/KH 89.000 ha (đạt 102,77%); ngô 21.295,1 ha/KH 22.000 ha (đạt 96,79%); lạc 14.101,6 ha/KH 14.000 ha (đạt 100,72%); rau các loại 10.182 ha/KH 10.000 ha(đạt 101,82%). Hiện tại các loại cây trồng đang sinh trưởng, phát triển tốt, công tác quản lý dịch hại được triển khai thực hiện chủ động, kịp thời, có hiệu quả. Dự kiến thời gian lúa trổ như sau: Trước 20/4 có 18.853,1 ha (tập trung ở các huyện Yên Thành, Quỳnh Lưu, Tân Kỳ, Anh Sơn, Hưng Nguyên, ...), trong đó đến 6.058 ha đã trỗ (tính đến 10/4); từ 20 – 30/4 là 41.707,3 ha và 30.258,2 ha trỗ sau ngày 30/4.

**1.2. Thuận lợi, khó khăn sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2017**

***1.2.1. Thuận lợi***

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các ngành chức năng từ Tỉnh đến địa phương quan tâm vào cuộc để tập trung chỉ đạo sản xuất.

- Trung ương, Tỉnh và các địa phương có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp như: chính sách hỗ trợ thiên tai, dịch bệnh, cơ giới hóa, liên kết sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ... nhằm khuyến khích nông dân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất.

 - Nhiều tiến bộ kỹ thuật mới, đặc biệt là các tiến bộ về giống lúa đã được khẳng định và từng bước áp dụng vào sản xuất.

 - Cán bộ và nông dân đã có nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo, tổ chức sản xuất.

 - Công tác dự tính, dự báo tình hình thủy lợi, thiên tai, dich hại cây trồng ngày càng được quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại.

 - Chất lượng phục vụ của các doanh nghiệp được cải thiện, đảm bảo cung ứng kịp thời, đầy đủ các loại vật tư nông nghiệp phục vụ nhu cầu sản xuất.

- Các quy trình sản xuất tiên tiến SRI, ICM, VietGAP, ... đã được thực hiện có hiệu quả cao trong sản xuất giúp người dân tiếp cận để mở rộng sản xuất, nâng năng suất, chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm làm tăng giá trị sản xuất.

 - Việc chuyển đổi ruộng đất, cơ sở hạ tầng nội đồng ngày được nâng cấp và đầu tư đã tạo thuận lợi cho việc đưa cơ giới hóa vào thâm canh, sản xuất, tăng năng suất lao động nhất là khâu làm đất và thu hoạch đã đẩy nhanh thời vụ gieo trồng.

 - Lượng nước tại các hồ chứa và trên các sông suối cao hơn so với cùng kỳ năm 2016, do đó nguồn nước đảm bảo phục vụ cho sản xuất lúa vụ Hè Thu 2017.

 ***1.2.2. Khó khăn***

- Một số địa phương việc đầu tư cơ sở hạ tầng, chính sách để khuyến khích sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập của người dân còn chưa nhiều.

- Theo dự báo của Đài Thủy văn Bắc Trung Bộ thì những tháng còn lại của năm 2017 được nhận định là mùa mưa đến muộn nên lượng mưa có khả năng thiếu hụt đầu vụ; trong mùa mưa thì mưa lớn cục bộ có tần suất xuất hiện cao. Trong đất liền bão khả năng xảy ra ít hơn so với trung bình nhiều năm nhưng không theo quy luật, mưa bão đột biến do đó tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng lớn đến sản xuất.

- Theo báo cáo của Chi cục Thủy lợi: nguồn nước tại một số hồ chứa nhỏ điều tiết năm, nếu thời gian tới thời tiết diễn biến bất lợi, không có mưa, nắng nóng và gió Tây Nam xuất hiện sớm, thì hạn hán sẽ xẩy ra trên diện rộng. Vì vậy, tình trạng thiếu nước, xâm nhập mặn có khả năng xảy ra nhất là vùng cuối kênh, vùng cao cưỡng. Đối với vùng lấy nước qua cống Nam Đàn (tạo nguồn nước tưới cho các huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc, thành phố Vinh), nguồn nước phục vụ sản xuất Hè Thu gặp nhiều khó khăn do mực nước sông Lam xuống thấp.

 - Một số đối tượng sâu, bệnh hại như: Chuột, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh bạc lá, lùn sọc đen, ... có nguy cơ phát sinh trên diện rộng.

 - Tư tưởng chủ quan, sản xuất dựa vào tập quán là chính ở một bộ phận nông dân đã, đang và sẽ gây cản trở cho việc phát triển sản xuất.

**II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2017**

**2.1. Phương hướng**

- Trên cơ sở điều kiện sản xuất cụ thể từng vùng để bố trí cơ cấu giống, cây trồng, thời vụ hợp lý, đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả trong đó, đặt mục tiêu an toàn lên trên hết. Tăng cường đầu tư thâm canh, thực hiện tốt công tác chống hạn, phòng trừ dịch bệnh hại cây trồng; khai thác và phát huy tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất.

 - Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ ở những vùng khó khăn do hạn hán để đảm bảo an toàn, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Đẩy mạnh liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong xây dựng *“Cánh đồng lớn”*, sản xuất và bao tiêu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị và ổn định sản xuất.

- Đẩy nhanh việc ứng dụng cơ giới hóa nhằm rút ngắn thời gian các khâu trong sản xuất, tăng năng suất lao động.

**2.2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể**

***2.2.1. Sản xuất lương thực***

- Với chỉ tiêu sản xuất lương thực năm 2017 là 1.217.300 tấn. Căn cứ vào tình hình sản xuất vụ Đông Xuân thì vụ Hè Thu – Mùa phải phấn đấu đạt 462.800 tấn lương thực.

- Căn cứ chỉ tiêu lương thực năm 2017 và để sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2017 an toàn, hiệu quả thì mục tiêu các cây trồng phấn đấu đạt như sau: (*kèm theo phụ lục 02*)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  | **Loại cây trồng** | **Diện tích (ha)** | **Năng suất (tạ/ha)** | **Sản lượng (tấn)** |
| ***1*** | ***Cây lúa, trong đó:*** | ***94.000*** | ***43,28*** | ***406.800*** |
| - | Vụ Hè Thu | 55.000 | 49,50 | 272.250 |
| - | Vụ Mùa | 39.000 | 34,50 | 134.550 |
| ***2*** | ***Cây ngô*** | ***16.000*** | ***35,00*** | 56.000 |
|  | **Tổng cộng** | **110.000** |   | **462.800** |

*Trong đó, cơ cấu 25.000 ha lúa chất lượng cao và khoảng 20.000 ha lúa lai (vụ Hè Thu 12.000 ha và vụ Mùa 8.000 ha).*

***2.2.2. Các cây trồng khác***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại cây trồng** | **Diện tích (ha)** | **Năng suất (tạ/ha)** | **Sản lượng (tấn)** |
| 1 | Cây lạc | 1.200 | 18,5 | 2.220 |
| 2 | Đậu đỗ các loại | 4.500 | 8,0 | 3.600 |
| 3 | Cây vừng | 4.000 | 6,0 | 2.400 |
| 4 | Rau các loại | 9.000 | 130,0 | 117.000 |
|   | Tr/đó dưa hấu | 1.000 | 220,0 | 22.000 |

***2.2.3. Sản xuất cây công nghiệp lâu năm***

Chăm sóc và bảo vệ tốt diện tích hiện có.Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để trồng mới 800 ha chè, 1.300 ha cao su. Tiếp tục trồng để đạt 28.000 ha/ năm mía nguyên liệu (bao gồm trồng mới, trồng lại và lưu gốc).

 ***2.2.4. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng và xây dựng cánh đồng lớn***

- Rà soát, đánh giá lại nguồn nước tưới trên các hồ đập, diện tích trồng lúa kém hiệu quả cụ thể của từng vùng, từng địa phương để có phương án chuyển đổi hiệu quả.

- Ưu tiên chuyển sang trồng các cây màu như ngô, lạc, rau màu, các loại cây trồng khác đối với những diện tích trồng lúa không có khả năng tưới nước trong suốt cả vụ. Chuyển đổi cây trồng đồng thời với chuyển đổi mùa vụ, không để nông dân bỏ hoang đất.

- Đối với những diện tích trồng lúa có nước tưới nhưng kém hiệu quả, cần xây dựng phương án và có chính sách để khuyến khích nông dân chuyển đổi sang cây trồng khác hiệu quả hơn, phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Dự kiến sẽ có trên 2.414,8 ha chuyển sang các cây trồng khác *(Chi tiết tại phụ lục 06).*

- Phát huy các kết quả đạt được trong liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng mô hình “cánh đồng lớn” của những năm trước để mở rộng sản xuất “cánh đồng lớn”, liên kết chuổi trong vụ Hè Thu – Mùa 2017. Các Doanh nghiệp, địa phương căn cứ vào kế hoạch chung để chủ động xây dựng phương án cụ thể cho từng loại cây trồng để tập trung triển khai thực hiện.

**III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

 **3.1. Các giải pháp về kỹ thuật**

 **3.*1.1. Định hướng cơ cấu giống và thời vụ***

 ***a. Cây lúa:*** Chỉ đưa vào cơ cấu các giống lúa đã được công nhận chính thức, đã qua khảo nghiệm và có kết quả tốt tại Nghệ An. Tiếp tục sử dụng các giống có năng suất cao, ổn định trong những vụ trước, mở rộng nhanh diện tích các giống lúa có chất lượng cao, ngắn ngày. Thực hiện thời vụ gieo cấy lúa Hè Thu ***“càng sớm, càng tốt”*** và phải đặt an toàn lên trên hết; phải xem xét thời điểm thu hoạch lúa Xuân, khả năng phân phối nước để làm đất ruộng cấy và chọn thời điểm ra mạ chính xác. Để đảm bảo các yêu cầu trên, định hướng sử dụng giống và bố trí thời vụ cho từng vùng được xác định như sau:

- *Vùng Hè Thu chạy lụt*: Diện tích khoảng 20.000 ha, tập trung ở các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Lộc, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Đô Lương, Thanh Chương và rải rác ở một số huyện khác. Đối với vùng này yêu cầu lúa phải thu hoạch trước 30/8 để tránh lụt an toàn. Vì vậy, nên sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày và gieo mạ để cấy như:

+ Lúa thuần: P6 đột biến; Khang dân đột biến; PC6, …

+ Lúa lai: Việt Lai 20,…

*- Vùng đất vàn*: Đây là vùng Hè Thu thâm canh, cần sử dụng các giống có năng suất cao, thời gian sinh trưởng có thể dài hơn nhưng phải dưới 110 ngày để thu hoạch trước 10/9. Vùng này nên cơ cấu các giống chủ lực sau:

+ Lúa thuần: Thiên ưu 8; Vật tư – NA2; Hương thơm số 1; TBR225,…

+ Lúa lai: Kinh sở ưu 1588; Thụy hương 308; TH3-5; TH3-4, …

Vùng này nếu lúa Xuân thu hoạch muộn hoặc do điều tiết nước để làm đất gieo cấy gặp khó khăn thì phải sử dụng các giống ngắn ngày như vùng thấp lụt. Những địa phương chỉ đạo gieo mạ và bố trí thời vụ hợp lý để thu hoạch an toàn thì cơ cấu những giống dài ngày hơn, có chất lượng gạo tốt.

- *Vùng vàn cao ở đồng bằng, vùng ruộng lúa bán sơn địa:* Có thể bố trí các giống thu hoạch sau 15/9. Đối với vùng chủ động nước, ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt như các giống cơ cấu ở vùng vàn và có thể sử dụng thêm một số giống dài ngày hơn như:

+ Lúa thuần: BC15; DT52, Bắc thơm 7,…

+ Lúa lai: Nhị ưu 986, Thái xuyên 111, PHB71; 27P31,…

 Đối với vùng không chủ động nước, hạn hán nên sử dụng các giống ngắn ngày như vùng thấp lụt và giống chịu hạn.

 *Theo định hướng trên, căn cứ vào kết quả sản xuất các năm trước và điều kiện sản xuất của địa phương mỗi huyện, thành, thị chỉ nên chọn tối đa 3 giống lúa thuần, 3 giống lúa lai; Mỗi xã chỉ nên chọn tối đa 2-3 giống (trừ những vùng đặc thù). Trên cùng một xứ đồng chỉ gieo cấy 1 hoặc 2 giống lúa có thời gian sinh trưởng tương đương nhau và phải cấy xong trong vòng 2 - 3 ngày để thực hiện tốt các yêu cầu chăm sóc, quản lý sâu, bệnh hại. Tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, các huyện có thể lựa chọn các giống lúa tại phụ lục 03, 05 để đưa vào cơ cấu giống của địa phương mình.*

***b. Các cây hoa màu ngắn ngày (ngô, lạc, vừng, đậu đỗ)*:** Sau khi thu hoạch cây vụ Xuân, cần chủ động tranh thủ đất đủ độ ẩm để làm đất gieo ngay. Sử dụng các giống chủ lực sau:

- Cây ngô: Sử dụng các giống tại phụ lục 04 kèm theo.

- Cây lạc: Sử dụng các giống như: Sen Nghệ An, L14, L26, L23, TB25, Sen lai 75/23, và L20.

 - Cây vừng: Sử dụng các giống vừng đen, vừng vàng địa phương.

 - Cây đậu đỗ các loại: Đậu xanh ĐX 135, DX 11, DX 03, ĐX 208, A801, đậu tằm hạt mốc,…; đậu đen.

*Ngoài ra, UBND các huyện, thành, thị có thể lựa chọn thêm các giống đã được công nhận chính thức và đã sản xuất có hiệu quả ở những vụ trước trên địa bàn để lựa chọn vào cơ cấu giống.*

***3.1.2. Thực hiện tốt công tác chăm sóc cây giống, chuẩn bị các điều kiện để trồng mới chè, cao su, cam, mía, dứa***

- Các địa phương cần tiến hành rà soát kỹ quỹ đất, nguồn giống hiện có để có phương án cân đối hợp lý giữa quỹ đất và nguồn giống, tránh tình trạng thừa giống, thiếu đất hoặc thừa đất, thiếu giống. Trong trường hợp cân đối thấy thiếu giống phải có phương án mua bổ sung kịp thời và ký hợp đồng sớm để chủ động.

- Đối với cây mía thực hiện triệt để việc trồng mới và trồng lại bằng giống sạch bệnh nhất là bệnh chồi cỏ mía nhằm hạn chế sự lây lan, giảm năng suất chất lượng mía.

***3.1.3. Quản lý và sử dụng nước tưới***

- Phải bảo đảm tưới đủ cho toàn bộ diện tích gieo cấy theo kế hoạch đề ra và chống hạn cho cây công nghiệp, cây ăn quả,... trong đó ưu tiên nước phục vụ tưới cho gieo cấy vụ Hè Thu (khoảng 55.000 ha).

- Thực hiện quy trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ngay từ đầu vụ (nông lộ phơi, SRI).

- Lập kế hoạch, lịch tưới, mức tưới của từng đợt, cho từng vùng đồng theo thời kỳ sinh trưởng của cây trồng.

- Đối với các loại cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: Chuẩn bị các điều kiện để chống hạn khi nắng hạn kéo dài gây ra như: tủ gốc để giữ ẩm, khoan giếng ở những nơi có mạch nước ngầm, đắp các hồ chứa, bể chứa nhỏ, phát triển mạng lưới bơm nhỏ để tưới. Riêng đối với cây Chè ngoài thực hiện các biện pháp chống hạn nêu trên thì nên bố trí trồng các loại cây che bóng phù hợp trên vườn chè và không hái chè bằng máy vào thời gian nắng hạn, dừng hái khi có nắng hạn kéo dài.

- Tu sửa bờ vùng, bờ thửa, nạo vét thông thoáng kênh mương, khơi thông dòng chảy, tận dụng lượng nước hồi quy, chú ý đón nước mưa tiểu mãn bổ sung cho các hồ đập, không tháo cạn nước khi thu hoạch lúa Xuân,....

- Tuyệt đối phải tuân thủ quy trình: Trước, trong khi bơm phải kiểm tra nguồn nước, nếu độ mặn đến ngưỡng không cho phép theo quy định thì phải ngừng bơm ngay để không làm ảnh hưởng cây lúa.

***3.1.4. Công tác Trồng trọt và Bảo vệ thực vật***

Vụ Hè Thu – Mùa 2017 được nhận định là vụ mà thiên tai và các đối tượng dịch hại có diễn biến phức tạp, do đó công tác trồng trọt và BVTV phải tập trung thực hiện tốt những nội dung sau:

- Thực hiện gieo cấy đúng lịch thời vụ, cơ cấu giống của tỉnh, địa phương cho từng giống, từng vùng.

 - Căn cứ vào đặc điểm đất đai, đặc tính, tiềm năng năng suất của từng giống cây trồng để đầu tư đảm bảo yêu cầu của quy trình kỹ thuật thâm canh. Lúa Hè Thu do thời gian sinh trưởng ngắn nên cần thực hiện kỹ thuật bón phân nặng đầu, nhẹ cuối và tăng cường bón Kali (nhất là đối với lúa lai) để hạn chế sâu bệnh hại. Khuyến khích sử dụng các chế phẩm hữu cơ vi sinh, phân vi lượng bón qua lá để bổ sung dinh dưỡng, tăng năng suất cây trồng.

- Khuyến khích áp dụng kỹ thuật thâm canh lúa tiên tiên như SRI, ICM,...

- Không khuyến khích nông dân gieo thẳng lúa mà phải gieo mạ để cấy. Có thể áp dụng các hình thức làm mạ như: mạ dược, mà sân, mạ khay.

- Theo dõi và phòng trừ kịp thời các dịch hại chính trên các cây trồng. Trong phòng trừ dịch hại ưu tiên sử dụng biện pháp canh tác kỹ thuật, biện pháp sinh học. Chỉ sử dụng biện pháp hóa học khi dịch hại gây hại ở mức độ cao hoặc theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn. Khi sử dụng thuốc phải tuân thủ đầy đủ nguyên tắc 4 đúng.

- Thực hiện nghiêm Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật; các Nghị định, Thông tư,...về lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 17/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

***3.1.5. Tăng cường công tác dự tính, dự báo, truyền tải thông tin về thiên tai, bão lụt đến người dân***

Tăng cường công tác dự tính, dự báo và trao đổi thông tin giữa cơ quan khí tượng thủy văn và các cơ quan quản lý, phương tiện thông tin đại chúng để có thể đưa thông tin cảnh báo về mưa lũ đến với người dân sớm nhất; Qua đó, giúp người dân chủ động né tránh, giảm thiểu thiệt hại.

***3.1.6. Thực hiện tốt các giải pháp để đảm bảo sản xuất hết diện tích, an toàn, hiệu quả đối với những vùng khó khăn***

- Những địa phương có điều kiện thì đầu tư hệ thống kênh mương, tưới tiêu chủ động, làm các đập tạm giữ nước ở những vùng dễ hạn hán đầu vụ, thường xuyên bị ngập úng, ngập lụt cuối vụ như Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc và TP Vinh để nông dân yên tâm sản xuất.

- Đối với những vùng có diện tích đất cao cưỡng khả năng hạn cao và những diện tích sâu trũng thường xuyên bị ngập lụt mà không có điều kiện đầu tư cơ sở hạ tầng để chủ động sản xuất thì thực hiện các biện pháp sau:

+ Đối với vùng sâu trũng: Tuân thủ chặt chẽ về lịch thời vụ, gieo mạ để cấy, sử dụng các giống cực ngắn ngày và có khả năng chịu ngập úng cao.

+ Đối với vùng cao cưỡng khả năng hạn cao: Chuyển đổi mùa vụ và chuyển sang trồng ngô, đậu, hoặc một số cây trồng hàng năm khác có khả năng chịu hạn.

- Theo dõi, thống kê cụ thể những diện tích nông dân không gieo cấy trong vụ Hè Thu 2017 (nếu có). Trên cơ sở đó đánh giá cụ thể nguyên nhân để có hướng xử lý phù hợp.

**3.2. Cơ chế chính sách**

- Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh về hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các chính sách khác về hỗ trợ khắc phục thiên tai, phòng trừ dịch bệnh của UBND tỉnh.

+ Nghị Định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

+ Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

+ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

+ Quyết định số 87/2014/QĐ.UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn và thuỷ sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

+ Quyết định 08/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015-2020.

+ Quyết định số 5308/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh V/v phê duyệt mức hỗ trợ giống ngô để chuyển đổi trồng lúa sang trồng ngô theo Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các địa phương cần tích cực, chủ động trích ngân sách địa phương ngoài chính sách của nhà nước giúp nông dân tăng cường đầu tư phát triển sản xuất.

- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An và các Ngân hàng đóng trên địa bàn bố trí đủ nguồn vốn và tạo điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ nông dân và các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất theo các chủ trương, chính sách của nhà nước và các nội dung quy định tại Đề án này.

**3.3. Tổ chức thực hiện**

 ***3.3.1. Sở Nông nghiệp và PTNT***

 Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện Đề án sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2017. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh; Tập trung chỉ đạo các đơn vị chuyên môn của Sở và các đơn vị ngành hàng liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. ***Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật:***

- Phối hợp với các địa phương chỉ đạo thực hiện tốt Đề án sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2017, thường xuyên nắm bắt, cập nhật tình hình sản xuất và các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện đề án để kịp thời tham mưu cho Sở, cho UBND tỉnh có chủ trương chỉ đạo hiệu quả cao nhất.

- Xây dựng dự tính, dự báo và phương án phòng chống sâu bệnh hại chính trên các cây trồng trong vụ Hè Thu – Mùa để các địa phương làm căn cứ theo dõi và chỉ đạo thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo các Trạm TT&BVTV làm tốt công tác điều tra phát hiện chỉ đạo phòng trừ dịch hại trên đồng ruộng theo quy chuẩn quốc gia hiện hành. Hạn chế tối đa viêc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khi chưa thực sự cần thiết.

- Đẩy mạnh việc mở rộng thực hiện các tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm vào sản xuất như: SRI, IPM, VietGAP, …

- Chủ động xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra thiên tai bão lũ, hạn hán, dịch bệnh cây trồng.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để phổ biến, hướng dẫn, chỉ đạo nông dân sản xuất đúng lịch thời vụ, đúng quy trình kỹ thuật, tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả các loại sâu, bệnh hại.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan và các địa phương để tổ chức triển khai, thực hiện tốt công tác quản lý về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, thuốc BVTV, công tác kiểm dịch thực vật và phân bón phục vụ sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2017 trên địa bàn tỉnh.

***b) Chi cục Thuỷ lợi:***

- Xây dựng phương án tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2017, trong đó lưu ý phương án chống hạn ngay từ đầu vụ nhất là những vùng trọng điểm. Trên cơ sở đó tham mưu trình UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, đơn vị cân đối nước để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

- Tiến hành rà soát lại nguồn nước ở các hồ đập, sông suối trên địa bàn tỉnh kể cả các hồ đập nhỏ trên cơ sở đó phối hợp với các địa phương đề xuất phương án bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý cho từng vùng.

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị trong công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất, xây dựng và thực hiện phương án chống hạn vụ Hè Thu – Mùa 2017, tiêu thoát nước kịp thời.

- Chỉ đạo các Công ty, Xí nghiệp cung cấp đủ nước và kịp thời cho sản xuất, kiên quyết không để tình trạng thiếu nước xảy ra trên diện tích gieo cấy lúa theo kế hoạch. Ngoài chống hạn cần xây dựng phương án tiêu thoát nước khi có mưa to, ngập úng vào cuối vụ nhằm giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai bão lụt.

- Chỉ đạo vận hành đúng quy trình các cửa âu thuyền ở các cống ngăn mặn để tiết kiệm nước và giữ ngọt ở các cống Bến Thủy, Nghi Quang, Diễn Thành. Rà soát kiểm tra số lượng bơm điện, bơm dầu dã chiến nếu hư hỏng phải đầu tư tu sửa để sẵn sàng đối phó khi xảy ra hạn hán kéo dài.

**c) *Chi cục Phát triển nông thôn:***

- Tăng cường công tác quản lý và chỉ đạo các HTX nông nghiệp chuyển đổi theo Luật 2012; đồng thời hướng dẫn để nâng cao năng lực của các HTX, thông qua đó giúp nông dân tổ chức sản xuất có hiệu quả và liên kết với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp với các địa phương để lựa chọn, xây dựng một số mô hình liên kết giữa tổ chức nông dân (hoặc nông dân) với doanh nghiệp để sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Hướng dẫn chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

***d) Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản***

- Tập trung chỉ đạo xây dựng thành công các chuổi cung cấp thực phẩm an toàn để giới thiệu và nhân rộng, giúp sản xuất đạt hiệu quả cao.

 - Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn, nhất là các sản phẩm rau, quả, …

***e) Trung tâm Khuyến nông:***

- Xây dựng kế hoạch và các nội dung tập huấn, tuyên truyền để hướng dẫn, phổ biến Đề án vụ Hè Thu – Mùa 2017 đến tận người dân. Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền để nông dân thực hiện nghiêm túc các giải pháp đưa ra trong Đề án, đặc biệt là các giải pháp về sử dụng giống ngắn ngày, gieo mạ để cấy đối với những vùng dễ ngập lụt; Cử cán bộ kỹ thuật tại Văn phòng Trung tâm để hỗ trợ những địa phương khó khăn.

- Chỉ đạo trạm Khuyến nông các huyện, thành, thị phối hợp với Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trên địa bàn để tuyên truyền, hướng dẫn nông dân phòng trừ hiệu quả các đối tượng sâu bệnh hại. Sử dụng có hiệu quả đội ngũ khuyến nông cấp xã trong việc chỉ đạo sản xuất ở cơ sở.

- Tập huấn, hướng dẫn nông dân sản xuất đúng, đủ quy trình kỹ thuật tiên tiến cho các nông sản chủ lực để nhân ra đại trà. Thực hiện tốt chỉ tiêu thu nhập bằng áp dụng quy trình công nghệ cao trong xây dựng nông thôn mới.

***f) Trung tâm Giống cây trồng:***

Triển khai các hoạt động khảo nghiệm, sản xuất thử các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt để đưa vào khảo nghiệm. Đồng thời, tổ chức bố trí mô hình để theo dõi, đánh giá về tiềm năng năng suất, thời gian sinh trưởng của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá ở cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Nghệ An.

**g) *Các đơn vị khác thuộc Sở***: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình đề triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2017.

***h) Các đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón*** *( Tổng Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An, Công ty TNHH Việt Mỹ và các doanh nghiệp có chức năng kinh doanh giống cây trồng, thuốc BVTV, phân bón,...trên địa bàn tỉnh):*

- Căn cứ vào Đề án, chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất và cung ứng đủ giống, phân bón, thuốc BVTV,... đảm bảo chất lượng và thực hiện tốt các quy định về quản lý giống, phân bón, thuốc BVTV,... của Nhà nước để phục vụ sản xuất.

- Các tổ chức, cá nhân muốn đưa giống mới vào khảo nghiệm, sản xuất thử trên địa bàn tỉnh Nghệ An phải có văn bản gửi xin ý kiến và chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý của Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Nghệ An); Trong văn bản đề nghị phải nêu rõ đặc tính của giống, quy mô, địa điểm dự kiến khảo nghiệm, sản xuất thử để Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo cho UBND các huyện, thành, thị phối hợp theo dõi, quản lý. Đồng thời, phải thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý giống cây trồng và phải có cam kết đền bù sản lượng cho nông dân nếu như xảy ra tình trạng mất mùa do giống gây ra. Đối với các giống đang khảo nghiệm, sản xuất thử tuyệt đối không được bán thương mại.

 ***3.3.2. UBND các huyện, thành, thị***

a) Trên cơ sở Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh sản xuất, ... của địa phương xây dựng Đề án sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2017 cụ thể, sát với thực tế của địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Đề án phải thể hiện sự phấn đấu cao, các chỉ tiêu phải vượt trội, các giải pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện phải tích cực để đảm bảo giành thắng lợi.

b) Chỉ đạo nông dân thực hiện tốt các chủ trương, giải pháp sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2017; Đặc biệt là phương án phòng chống hạn và phương án phòng chống sâu bệnh hại lúa từ huyện, xã đến thôn, xóm.

c) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương trên các phương diện:

- Rà soát, đánh giá lại cơ cấu giống của địa phương trong những năm qua, xây dựng cơ cấu giống cho Hè Thu, vụ Mùa 2017 để chỉ đạo nông dân thực hiện nghiêm về cơ cấu giống và lịch thời vụ, nhất là đối với thời vụ gieo cấy lúa vùng sâu trũng.

- Các địa phương, đơn vị lập phương án chống hạn và tổ chức thực hiện, cân đối lại tình hình nguồn nước để xây dựng kế hoạch tuới vụ Hè Thu – Mùa phù hợp, không gieo trồng đối với những diện tích không đảm bảo tưới suốt vụ. Xây dựng phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

- Chọn đối tác đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước để cung ứng giống phục vụ sản xuất trên địa bàn. Phải thực hiện nghiêm theo quy định Nhà nước đối với các doanh nghiệp cung ứng giống để bảo hành chất lượng giống cho người sản xuất.

- Tổ chức các đoàn kiểm tra của địa phương để kiểm tra, quản lý chất lượng cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các loại vật tư hàng hoá phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phòng trừ dịch bệnh hại cây trồng ngoài chính sách của Tỉnh và Trung ương.

d) Phối hợp với các Chi cục thống kê để thống kê, thống nhất số liệu định kỳ báo cáo tiến độ sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (qua phòng Trồng trọt) vào sáng thứ 3 hàng tuần để tổng hợp tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt. Trường hợp cần thiết và đột xuất Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ có công văn gửi các địa phương.

 ***3.3.3. Các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội***

Căn cứ nhiệm vụ chính trị của tổ chức, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT để triển khai đề án sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2017 xuống tận cơ sở. Động viên các cấp hội và hội viên thực hiện nghiêm túc các biện pháp, giải pháp kỹ thuật do ngành Nông nghiệp và PTNT đề ra; đặc biệt là biện pháp cơ cấu giống, gieo mạ để cấy đối với những vùng sản xuất lúa chạy lụt. Quan tâm giúp nông dân thay đổi nhận thức sản xuất nông nghiệp từ sản xuất kinh nghiệm sang sản xuất đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất hàng hoá để tăng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích.

***3.3.4. Các cơ quan thông tin đại chúng***

Đề nghị Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí đóng trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên đặc biệt cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ sản xuất trong vụ Hè Thu – Mùa năm 2017; Đặc biệt là tuyên truyền để nông dân hiểu được các giải pháp về cơ cấu giống, bố trí thời vụ để né tránh thiên tai; Đồng thời, phối hợp tốt hơn nữa với cơ quan khí tượng, thủy văn để nắm bắt và thông tin kịp thời các nguy cơ về thiên tai để người dân né tránh. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời phản ánh những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

### Phần thứ 3

**KIẾN NGHỊ**

Vụ Hè Thu – Mùa 2017 là vụ sản xuất đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức như thiếu nước, hạn hán và các loại sâu bệnh hại có nguy cơ phát sinh gây hại nặng như Chuột, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, bệnh bạc lá,... Do đó, để đảm bảo giành được thắng lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh:

1. Chỉ đạo các ngành, các cấp và UBND các huyện, thành,thị tăng cường công tác chỉ đạo đôn đốc người dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật đã được quy định tại Đề án để đảm bảo vụ Hè Thu – Mùa 2017 đạt kết quả thắng lợi; Cấp uỷ, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất để thường xuyên theo dõi, phát hiện và xử lý, bổ cứu kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh giúp các địa phương, cơ sở tháo gỡ khi triển khai chỉ đạo thực hiện Đề án.

 2. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT sớm tham mưu ban hành hướng dẫn liên Sở về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất Nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

3. Giao Sở Công thương:

- Phối hợp với UBND các huyện, các địa phương để tăng cường công tác quản lý chất lượng phân bón vô cơ phục vụ sản xuất.

- Chỉ đạo ngành điện lực ưu tiên cấp điện cho các trạm bơm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Trong quá trình thực hiện sản xuất vụ Hè Thu, Mùa, tùy vào tình hình thực tế chỉ đạo các Công ty thủy điện Bản Vẽ, Khe Bố... xả nước với lưu lượng phù hợp để đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất, dân sinh cho vùng hạ du hiệu quả, tiết kiệm.

 4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương để chuyển giao những tiến bộ kỹ thuật đã khẳng định có hiệu quả tại Nghệ An, đồng thời tổ chức nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật mới.

 Trên đây là nội dung Đề án sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2017, Sở Nông nghiệp và PTNT mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả của các ngành, các huyện, thành, thị và nỗ lực phấn đấu đầu tư phát triển sản xuất của bà con nông dân trên toàn Tỉnh, nhằm đạt và vượt các mục tiêu đề ra trong kế hoạch sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2017./.

***Nơi nhận:* GIÁM ĐỐC**

- Cục Trồng trọt (để báo cáo);

- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);

- Các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh (để phối hợp);

- UBND các huyện, thành, thị (để thực hiện);

- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT (để chỉ đạo);

- Các cơ quan thông tin đại chúng (để đưa tin);

- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);

- Các phòng, ban của Sở NN&PTNT (để thực hiện);

- Webside Sở;

- Lưu VT, TT&BVTV. **Hoàng Nghĩa Hiếu**

Phụ lục 01: **Kết quả sản xuất vụ Hè Thu – Mùa 2016**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Hè thu -Mùa 2015** | **Hè Thu -Mùa 2016** | **So sánh 2016/2015** | **Kết quả vụ Hè thu – Mùa 2016 so với kế hoạch** |
| **Tăng (+)** | **%** | **Tăng (+)** | **%** |
| **Giảm (-)** | **Giảm (-)** |
| *1. Cây lúa:* - Diện tích | 94.872,0 | 94.549,6 | -322,40 | 99,66 | 549,60 | 100,58 |
|  - Năng suất | 43,13 | 42,97 | -0,16 | 99,63 | 0,45 | 101,06 |
|  - Sản lượng | 409.163,0 | 406.270,3 | -2.892,70 | 99,29 | 6.570,30 | 101,64 |
| *Tr/đó:\* Hè thu -*Diện tích | 55.558 | 54.646,6 | -911,40 | 98,36 | 2.646,60 | 105,09 |
|  - Năng suất | 49,5 | 49,44 | -0,06 | 99,88 | 0,44 | 100,90 |
| - Sản lượng  | 275.018 | 270.184,2 | -4.833,80 | 98,24 | 15.384,20 | 106,04 |
| *\* Vụ Mùa -*Diện tích | 39.314 | 39.903,0 | 589,00 | 101,50 | -2.097,00 | 95,01 |
| - Năng suất | 34,12 | 34,10 | -0,02 | 99,94 | -0,40 | 98,84 |
| - Sản lượng | 134.145 | 136.086,1 | 1.941,10 | 101,45 | -8.813,90 | 93,92 |
| *2. Cây ngô -*Diện tích | 15.988 | 16.830,8 | 842,80 | 105,27 | -1.169,20 | 93,50 |
| - Năng suất | 31,72 | 33,80 | 2,08 | 106,56 | -1,20 | 96,57 |
| - Sản lượng | 50.716 | 56.895,1 | 6.179,10 | 112,18 | -6.104,90 | 90,31 |
| *3. Rau các loại:*- Diện tích  | 8.817 | 9.049,9 | 232,90 | 102,64 | 49,90 | 100,55 |
| - Năng suất | 134,63 | 133,47 | -1,16 | 99,14 | 13,47 | 111,23 |
| - Sản lượng | 118.710 | 120.787,3 | 2.077,30 | 101,75 | 12.787,30 | 111,84 |
| *4. Đậu các loại:*- Diện tích | 4.681 | 3.649,8 | -1.031,20 | 77,97 | -1.350,20 | 73,00 |
|  - Năng suất | 8,28 | 8,11 | -0,17 | 97,95 | 0,11 | 101,38 |
| - Sản lượng | 3.875 | 2.958,9 | -916,10 | 76,36 | -1.041,10 | 73,97 |
| *5. Cây lạc:* - Diện tích | 1.100 | 1.005,8 | -94,20 | 91,44 | -194,20 | 83,82 |
| - Năng suất | 17,32 | 18,84 | 1,52 | 108,78 | 1,84 | 110,82 |
| - Sản lượng | 1.905 | 1.894,6 | -10,40 | 99,45 | -145,40 | 92,87 |
| *6. Cây vừng: -* Diện tích | 3.791 | 3.014,4 | -776,60 | 79,51 | -985,60 | 75,36 |
| - Năng suất | 6,43 | 5,94 | -0,49 | 92,38 | -0,06 | 99,00 |
| - Sản lượng | 2.439 | 1.789,9 | -649,10 | 73,39 | -610,10 | 74,58 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Phụ lục 02: | **KẾ HOẠCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ HÈ THU- MÙA 2017 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH,THỊ** |  |
| **STT** | **Toàn tỉnh** | **Cây lúa (ha)** | **Cây ngô (ha)** | **Cây lạc (ha)** | **Cây vừng (ha)** | **Cây rau các loại (ha)** | **Cây đậu các loại** |
| **Tổng DT** | **Trong đó** |
| **Lúa Hè thu** | **Lúa mùa** |  **Lúa rẫy** |
|  |  |  **94.000,0**  |  **55.000,0**  |  **39.000,0**  |  **11.890,0**  |  **16.000,0**  |  **1.200,0**  |  **4.000,0**  |  **9.000,0**  |  **4.500,0**  |
| 1 | Diễn Châu | 9200 | 9200 | 0 | 0 | 450 | 50 | 1800 | 900 |   |
| 2 | Yên Thành | 12100 | 12100 | 0 | 0 | 1550 | 150 | 150 | 1100 | 100 |
| 3 | Quỳnh Lưu | 7300 | 5600 | 1700 |   | 1150 | 50 |   | 1300 |   |
| 4 | TX Hoàng Mai | 1200 | 200 | 1000 | 0 | 260 | 45 | 10 | 560 | 100 |
| 5 | Nghi Lộc | 7200 | 4200 | 3000 |   | 700 | 100 | 1150 | 400 | 300 |
| 6 | Nam Đàn | 5900 | 5900 | 0 |   |   | 45 | 280 | 750 | 1400 |
| 7 | H/Nguyên | 4500 | 4300 | 200 | 0 |   |   | 40 | 500 | 300 |
| 8 | Đô Lương  | 7300 | 7300 | 0 | 0 | 700 | 150 |   | 450 | 450 |
| 9 | TP Vinh | 1240 | 400 | 840 |   | 80 |   | 150 | 250 |   |
| 10 | Cửa Lò | 160 |   | 160 |   | 80 | 0 | 140 | 100 | 20 |
| 11 | Th/Chương | 5000 | 5000 | 0 |   | 1000 | 200 |   | 350 | 1800 |
| 12 | Tân Kỳ | 4400 |   | 4400 |   | 1600 |   | 150 | 320 |   |
| 13 | Nghĩa Đàn | 3400 | 200 | 3200 |   | 1000 | 100 | 80 | 500 |   |
| 14 | Thái Hoà | 750 | 100 | 650 | 0 | 250 |   |   | 150 | 30 |
| 15 | Quỳ Hợp | 2600 | 250 | 2350 |   | 700 | 50 |   | 400 |   |
| 16 | Quỳ Châu | 1800 | 0 | 1800 | 0 | 210 | 60 |   | 200 |   |
| 17 | Quế Phong | 2000 | 0 | 2000 | 360 | 170 | 70 |   | 210 |   |
| 18 | Anh Sơn | 2900 | 250 | 2650 |   | 1800 | 50 | 50 | 200 |   |
| 19 | Con Cuông | 2300 |   | 2300 | 30 | 600 | 50 |   | 130 |   |
| 20 | T/Dương  | 5650 |   | 5650 | 5000 | 2700 | 30 |   | 230 |   |
| 21 | Kỳ Sơn | 7100 |   | 7100 | 6500 | 1000 |   |   |   |   |

Phụ lục 03: **Danh sách các giống lúa đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức và đã đưa vào sản xuất trong vụ Hè Thu – Mùa tại Nghệ An**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giống** | **Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)** | **Năng suất trung bình (tạ/ha)** | **Ghi chú** |
| **A** | **LÚA THUẦN** |
| **I** | **Giống chủ lực** |
| **1.1** | **Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày** |
| 1 | P6 đột biến | 84-89 | 50-55 |  |
| 2 | PC 6 | 91-96 | 55-60 |  |
| 3 | Khang dân đột biến | 97-100 | 60-65 |  |
| 4 | SV181 | 95-97 | 65-70 | Chất lượng gạo khá |
| **1.2** | **Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày** |
| 1 | Vật tư NA2 | 103 - 106 | 60-65 | Năng suất cao, gạo khá |
| 2 | Nếp 352 | 102 - 108 | 50-55 |  |
| 3 | Thiên ưu 8 | 103 - 108 | 60-65 | Năng suất cao, gạo khá |
| 4 | Hương thơm 1 | 105 - 110 | 50-55 | Gạo chất lượng |
| 5 | Bắc thơm 7 | 105 - 110 | 50-55 | Gạo chất lượng |
| 6 | TBR225 | 106 - 110 | 60-65 | Năng suất cao, gạo khá |
| **1.3** | **Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày** |
| 1 | DT52 | 110-113 | 55-60 | Lúa nếp |
| 2 | BC15 | 110-115 | 60-65 | Chất lượng gạo khá |
| 3 | Nếp 97 | 110-112 | 55-60 | Lúa nếp |
| 4 | Nếp 87 | 110-115 | 55-60 | Lúa nếp |
| **II** | **Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau** |
| **2.1** | **Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày** |
| 1 | VS1 | 100 - 104 | 55-60 |  |
| 2 | Khang dân 28 | 100 - 104 | 60-65 |  |
| 3 | TBR36 | 100 - 104 | 55-60 |  |
| 4 | GS333 | 100 - 105 | 55-60 |  |
| 5 | RVT | 100 - 105 | 55-60 | Gạo chất lượng |
| 6 | Bắc thơm 9 | 100 - 105 | 60-63 |  |
| 7 | HN6 | 100 - 105 | 55-60 |  |
| 8 | DQ11 | 101 - 106 | 60-65 | Chất lượng gạo khá |
| 9 | Gia Lộc 105 | 103 - 108 | 60-65 |  |
| 10 | TBR1 | 104 - 109 | 57-60 |  |
| 11 | TBR45 | 106 - 110 | 55-60 |  |
| 12 | M1-NĐ | 105 - 110 | 55-60 |  |
| **2.2** | **Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày** |
| 1 | AC5 | 111-116 | 55-60 | Gạo chất lượng |
| **B** | **LÚA LAI** |
| **I** | **Giống chủ lực** |
| **1.1** | **Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày** |
| 1 | Việt Lai 20 | 97-100 | 55-60 |  |
| **1.2** | **Giống có thời gian sinh trưởng từ 100-110 ngày** |
| 1 | TH3-4 | 100-105 | 60-65 |  |
| 2 | Thụy hương 308 | 105-108 | 65-70 | Gạo chất lượng |
| 3 | Kinh sở ưu 1588 | 105-110 | 70-75 | Năng suất cao, chất lượng gạo khá  |
| 4 | PHB 71 | 107-110 | 60-65 |  |
| 5 | Nhị ưu 986 | 108-110 | 70-75 |  |
| 6 | 27P31 | 108-110 | 70-75 |  |
| 7 | Thái xuyên 111 | 108-110 | 65-70 | Gạo chất lượng |
| **1.3** | **Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày** |
|  | BTE 1 | 111-115 | 70-75 |  |
| **II** | **Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau** |
| **2.1** | **Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày** |
| 1 | TH3-5 | 95-100 | 55-60 |  |
| 2 | LC 270 | 95-100 | 55-60 |  |
| **2.2** | **Giống có thời gian sinh trưởng từ 100-110 ngày** |
| 1 | Nam ưu 209 | 100-105 | 65-70 |  |
| 2 | TEJ vàng | 100-105 | 65-70 |  |
| 3 | TH3-3 | 100-105 | 55-60 |  |
| 4 | Nghi hương 305 | 103-108 | 65-67 |  |
| 5 | Nhị ưu 86B | 103-105 | 60-65 |  |
| 6 | Nghi hương 2308 | 102-108 | 60-65 | Gạo chất lượng |
| 7 | ZZD001 | 105-110 | 70-75 |  |
| 8 | VT 404 | 105-110 | 70-72 | Năng suất cao, chất lượng gạo khá |
| 9 | GS9 | 105-110 | 70-72 |  |
| 10 | Xuyên hương 178 | 105-110 | 65-70 |  |
| 11 | Nam ưu 604 | 105-110 | 65-70 |  |
| 12 | S 9368 | 105-110 | 65-70 |  |
| 13 | HKT 99 | 105 - 110 | 60-65 |  |
| 14 | CNR6206 | 108-110 | 65-70 |  |
|  | **Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày** |
| 1 | CNR 36 | 111-113 | 65-70 |  |

*Ghi chú*: *Số thứ tự của các giống sắp xếp theo thời gian sinh trưởng.*

Phụ lục 04: **Danh sách các giống ngô đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức và đã đưa vào sản xuất trong vụ Hè Thu - Mùa tại Nghệ An**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giống** | **Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu - Mùa(ngày)** | **Năng suất trung bình (tạ/ha)** | **Ghi chú** |
| **I** | **GIỐNG CHỦ LỰC** |
| 1 | CP888 | 113-115 | 50-55 |  |
| 2 | P4199 | 105-110 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 3 | NK7328 | 100-105 | 58-60 | Có sinh khối lớn |
| 4 | CP999 | 100-105 | 55-60 |  |
| 5 | NK66 | 100-105 | 55-60 |  |
| 6 | DK6919 | 100-103 | 58-60 |  |
| 7 | LVN14 | 95-100 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| **II** | **NGOÀI RA CÓ THỂ SỬ DỤNG CÁC GIỐNG SAU** |
| 1 | PAC558 | 105-115 | 55-60 |  |
| 2 | PAC669 | 105-115 | 55-60 |  |
| 3 | CP3Q | 110-115 | 60-65 |  |
| 4 | NK6639 | 113-115 | 55-60 |  |
| 5 | NK6101 | 113-115 | 55-60 |  |
| 6 | NK6326 | 105-110 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 7 | NK6654 | 105-110 | 55-60 |  |
| 8 | CP501 | 105-110 | 60-65 |  |
| 9 | CP111 | 105-110 | 60-65 | Có sinh khối lớn |
| 10 | CP511 | 105-110 | 55-60 |  |
| 11 | 30Y87 | 105-110 | 58-60 | Có sinh khối lớn |
| 12 | P4296 | 105-110 | 55-60 |  |
| 13 | NK4300 | 105-110 | 55-60 |  |
| 14 | NK4300 Bt/Gt | 105-110 | 55-60 |  |
| 15 | PSC 102 | 100-105 | 58-60 |  |
| 16 | PSC 747 | 100-105 | 58-60 |  |
| 17 | DK6818 | 100-105 | 50-55 |  |
| 18 | AVA 3668 | 100-105 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 19 | LVN10 | 100-105 | 55-60 |  |
| 20 | VS36 | 100-105 | 55-60 |  |
| 21 | B265 | 100-105 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 22 | B528 | 100-105 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 23 | DK9901 | 100-105 | 50-55 |  |
| 24 | DK9955 | 100-105 | 55-60 |  |
| 25 | DK9955 S | 100-105 | 55-60 | Ngô biến đổi gen |
| 26 | SSC131 | 100-105 | 55-60 |  |
| 27 | DK6919 S  | 100-103 | 58-60 | Ngô biến đổi gen |
| 28 | PAC999 Super | 95-105 | 55-60 |  |
| 29 | PAC339 | 95-105 | 55-60 |  |
| 30 | B06 | 95-100 | 55-60 |  |
| 31 | SSC2095 | 95-100 | 55-60 |  |
| 32 | LVN61 | 95-100 | 55-58 |  |
| 33 | CP333 | 90-95 | 55-60 |  |
| 34 | HN45 | 90-95 | 55-60 |  |
| 35 | MX4 | 80-85 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 36 | MX6 | 80-85 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 37 | MX10 | 80-85 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 38 | Max 68 | 80-85 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 39 | HN68 | 65-70 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 40 | HN88 | 62-65 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 41 | Ngô nếp Bạch Long | 65-67 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 42 | Ngô nếp Bạch Ngọc | 60-65 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 43 | Ngô nếp Nù Sữa | 60-65 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
|  |  |  |  |  |
| 44 | Fancy111 | 70-75 | 55-60 | Thu hoạch ăn tươi |
| 45 | Fancy172 | 70-72 | 55-60 | Thu hoạch ăn tươi |

*Ghi chú*: *Số thứ tự của các giống sắp xếp theo thời gian sinh trưởng.*

Phụ lục 05**: Danh sách các giống lúa và ngô được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận sản xuất thử và giống khảo nghiệm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giống** | **Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)** | **Năng suất trung bình (tạ/ha)** | **Ghi chú** |
| **I** | **Lúa** |
| **Lúa Thuần** |
| 1 | BT09 | 103-105 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử |
| 2 | LH12 | 105-110 | 60-65 | Công nhận sản xuất thử |
| 3 | SL9 (LTH31) | 99 - 104 | 60-65 |  Gạo chất lượng, giống tiến bộ kỹ thuật |
| 4 | Kim cương 111 | 100-105 | 60-65 | Công nhận sản xuất thử |
| 5 | Lam Sơn 8 | 100-105 | 60-65 | Công nhận sản xuất thử |
| 6 | AD1 | 100 - 104 | 58-60 | Công nhận sản xuất thử |
| 7 | Khang dân cải tiến (DCG72) | 83-88 | 60-65 | Công nhận sản xuất thử  |
| 8 | Vật tư NA6 | 105-107 | 55-60 | Giống tiến bộ kỹ thuật |
| 9 | Thảo dược Vĩnh Hòa 1 | 105-108 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử |
| 10 | ADI 168 | 100-105 | 60-65 | Công nhận sản xuất thử |
|  |  |  |  |  |
| 11 | ADI 30 | 100-105 | 60-65 | Công nhận sản xuất thử |
| 12 | Đông A1 | 105-110 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử |
| 13 | Bắc Hương 9 | 105-110 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử |
|  |  |  |  |  |
| **Lúa lai** |
| 1 | PAC 837 | 100-105 | 60-65 | Công nhận sản xuất thử |
| **II** |  **Ngô** |
| 1 | NSC 87 | 105-110 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử |
| 2 | HN 66  | 65-70 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử |
| 3 | HN90 | 80-85 | 50-55 | Công nhận sản xuất thử |
| 4 | HN92  | 80-85 | 50-55 | Công nhận sản xuất thử |
| 5 | CS71 | 100-105 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử |
| 6 | NK 6253 | 113-115 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử |
| 7 | P 4311 | 95-100 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử |
| 8 | SK100 | 95-100 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử |
| 9 | Ngô nếp Bạch Hạc | 60-65 | 55-60 | Công nhận sản xuất thử, thu hoạch ăn tươi |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Phụ lục 06:  | **Kế hoạch chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng các cây trồng khác** |
|  |  | **( Theo báo cáo của UBND các huyện, thành, thị)** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **Toàn tỉnh** | **Tổng DT chuyển đổi vụ Hè thu và vụ Mùa** | **DT lúa chuyển đổi sang cây trồng khác** |
| **Vụ Hè Thu** | **Vụ Mùa** |
| **Tổng DT** | **Cây Ngô** | **Dưa hấu** | **Tổng DT** | **Rau màu** | **Cây lạc** | **Đậu** | **Cây Ngô** | **Mía** | **Cỏ chăn nuôi** | **Nuôi cá** | **Cây khác** |
|
|  |  |  **2.414,8**  |  **1.383,5**  |  **578,5**  |  **5,0**  |  **1.031,3**  |  **304,0**  |  **33,0**  |  **316,0**  |  **358,8**  |  **8,4**  |  **0,1**  |  **5,0**  |  **6,0**  |
| 1 | Diễn Châu | 10,0 | 10 | 5 | 5 | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Yên Thành | 800,0 | 800 |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 | Quỳnh Lưu | 323,0 | 0 |   |   | 323 | 106 |   |   | 217 |   |   |   |   |
| 4 | TX Hoàng Mai | 55,0 | 0 |   |   | 55 | 45 |   |   |   |   |   | 5 | 5 |
| 5 | Nghi Lộc | 600,0 | 300 | 300 |   | 300 |   |   | 300 |   |   |   |   |   |
| 6 | Nam Đàn | 0,0 | 0 |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 7 | H/Nguyên | 150,0 | 150 | 150 |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 8 | Đô Lương  | 0,0 | 0 |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 9 | TP Vinh | 8,0 | 6 | 6 |   | 2 | 1 |   |   |   |   |   |   | 1 |
| 10 | Cửa Lò | 16,0 | 0 |   |   | 16 |   |   | 16 |   |   |   |   |   |
| 11 | Th/Chương | 77,5 | 77,5 | 77,5 |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 12 | Tân Kỳ | 0,0 | 0 |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 13 | Nghĩa Đàn | 0,0 | 0 |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 14 | Thái Hoà | 0,0 | 0 |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 15 | Quỳ Hợp | 50,0 | 20 | 20 |   | 30 |   | 15 |   | 15 |   |   |   |   |
| 16 | Quỳ Châu | 12,3 | 0 |   |   | 12,3 |   |   |   | 3,8 | 8,4 | 0,1 |   |   |
| 17 | Quế Phong | 88,0 | 0 |   |   | 88 |   | 18 |   | 70 |   |   |   |   |
| 18 | Anh Sơn | 220,0 | 20 | 20 |   | 200 | 150 |   |   | 50 |   |   |   |   |
| 19 | Con Cuông | 0,0 | 0 |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 20 | T/Dương  | 5,0 | 0 |   |   | 5 | 2 |   |   | 3 |   |   |   |   |
| 21 | Kỳ Sơn | 0,0 | 0 |   |   | 0 |   |   |   |   |   |   |   |   |